| | |
|---|---|
| SỞ Y TẾ TỈNH AN GIANG<br>**BỆNH VIỆN UNG BƯỚU KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /QĐ-BVUBKG | *An Giang, ngày tháng năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán: Mua sắm dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn cho các thiết bị y tế tại Bệnh viện Ung bướu Kiên Giang năm 2026**

## GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN UNG BƯỚU KIÊN GIANG

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý trang thiết bị y tế;*

*Căn cứ Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;*

*Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 09 năm 2026;*

*Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đẳng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 3670/QĐ-SYT ngày 25/12/2025 của Sở Y tế tỉnh An Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 đối với các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;*

*Căn cứ Quyết định số 61/QĐ-BVUBKG ngày 28/01/2026 của Giám đốc Bệnh viện Ung bướu về việc phê duyệt Dự toán chi mua sắm, sửa chữa các khoa, phòng trực thuộc Bệnh viện;*

*Căn cứ Quyết định số 656/QĐ-BVUBKG ngày 17/09/2026 của Giám đốc Bệnh viện Ung bướu Kiên Giang về việc phê duyệt dự toán mua sắm: Mua sắm dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn cho các thiết bị y tế tại Bệnh viện Ung bướu Kiên Giang năm 2026;*

*Căn cứ Tờ trình số 90/TTr-VTTBYT ngày 31/7/2026 của Phòng Vật tư – thiết bị y tế về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán Mua sắm dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn cho các thiết bị y tế tại Bệnh viện Ung bướu Kiên Giang năm 2026;*

*Căn cứ Báo cáo số 02/BC-TTĐ544 ngày 25/8/2026 của tổ thẩm định QĐ-544 về việc thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán: Mua sắm dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn cho các thiết bị y tế tại Bệnh viện Ung bướu Kiên Giang năm 2026;*

*Căn cứ Biên bản họp Hội đồng mua sắm ngày 26/08/2026;*

*Xét đề nghị của Hội đồng mua sắm, sửa chữa thường xuyên.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán: Mua sắm dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn cho các thiết bị y tế tại Bệnh viện Ung bướu Kiên Giang năm 2026 với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Phòng Vật tư – thiết bị y tế và các trưởng phòng, khoa có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, VTTBYT, HĐMS

**GIÁM ĐỐC**

**Hàng Quốc Tuấn**

**PHỤ LỤC I**
**KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU DỰ TOÁN:**
**MUA SẮM DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN CHO CÁC THIẾT BỊ Y TẾ TẠI BỆNH VIỆN UNG BƯỚU KIÊN GIANG NĂM 2026**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVUBKG ngày / /2026 của Bệnh viện Ung bướu Kiên Giang)*

| STT | Tên chủ đầu tư | Tên gói thầu | | Giá gói thầu | Nguồn vốn | Hình thức lựa chọn nhà thầu | Phương thức lựa chọn nhà thầu | Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu | Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện gói thầu | Tùy chọn mua thêm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tên gói thầu | Tóm tắt công việc chính của gói thầu | | | | | | | | | |
| 1 | Bệnh viện Ung Bướu Kiên Giang | Mua sắm dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn cho các thiết bị y tế tại Bệnh viện Ung bướu Kiên Giang năm 2026 | Mua sắm dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn cho các thiết bị y tế tại Bệnh viện Ung bướu Kiên Giang năm 2026 bao gồm 18 danh mục thiết bị y tế | 60.696.000 | Nguồn thu từ dịch vụ khám chữa bệnh | Chào giá trực tuyến rút gon | - | 60 ngày | Quý III/2026 | Trọn gói | 60 ngày | Không áp dụng |
| **Tổng giá gói thầu** | | | | **60.696.000** ***(Sáu mươi triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn đồng)*** | | | | | | | | |

**PHỤ LỤC 2**
**DANH MỤC THIẾT BỊ CẦN HIỆU CHUẨN, KIỂM ĐỊNH**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVUBKG ngày tháng năm 2026 của Bệnh viện Ung bướu Kiên Giang)*

*Đơn vị : VNĐ*

| STT | Danh mục thiết bị y tế | Mô tả dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng/ Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền | Thuế, phí, lệ phí (VAT 8%) | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8=(6+7) |
| 1 | Nhiệt ẩm kế tự ghi | Hiệu chuẩn | Máy | 08 | 300.000 | 2.400.000 | 192.000 | 2.592.000 |
| 2 | Máy ly tâm | Hiệu chuẩn | Máy | 03 | 500.000 | 1.500.000 | 120.000 | 1.620.000 |
| 3 | Pipette | Hiệu chuẩn | Cái | 04 | 350.000 | 1.400.000 | 112.000 | 1.512.000 |
| 4 | Tủ trữ máu | Hiệu chuẩn | Tủ | 01 | 900.000 | 900.000 | 72.000 | 972.000 |
| 5 | Đường ống oxy dài 80 mét | Kiểm định | Hệ thống | 01 | 1.200.000 | 1.200.000 | 96.000 | 1.296.000 |
| 6 | Máy sốc tim | Kiểm định | Máy | 01 | 1.200.000 | 1.200.000 | 96.000 | 1.296.000 |
| 7 | Máy thở | Kiểm định | Máy | 09 | 1.200.000 | 10.800.000 | 864.000 | 11.664.000 |
| 8 | Dao mổ điện | Kiểm định | Máy | 03 | 1.500.000 | 4.500.000 | 360.000 | 4.860.000 |
| 9 | Máy theo dõi bệnh nhân (monitor) | Kiểm định | Máy | 11 | 1.200.000 | 13.200.000 | 1.056.000 | 14.256.000 |
| 10 | Máy siêu âm | Kiểm định | Máy | 02 | 2.000.000 | 4.000.000 | 320.000 | 4.320.000 |
| 11 | Tủ an toàn sinh học | Hiệu chuẩn | Tủ | 01 | 2.500.000 | 2.500.000 | 200.000 | 2.700.000 |
| 12 | Máy hấp tiệt trùng | Kiểm định | Máy | 01 | 500.000 | 500.000 | 40.000 | 540.000 |
| 13 | Cân sức khỏe | Hiệu chuẩn | Cái | 04 | 200.000 | 800.000 | 64.000 | 864.000 |
| 14 | Huyết áp kế lò xo | Kiểm định | Cái | 12 | 50.000 | 600.000 | 48.000 | 648.000 |
| 15 | Máy đo Điện tim | Kiểm định | Máy | 02 | 900.000 | 1.800.000 | 144.000 | 1.944.000 |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 16 | Bơm tiêm điện | Kiểm định | Cái | 05 | 1.000.000 | 5.000.000 | 400.000 | 5.400.000 |
| 17 | Máy Truyền dịch | Kiểm định | Máy | 03 | 1.000.000 | 3.000.000 | 240.000 | 3.240.000 |
| 18 | Tủ mát | Hiệu chuẩn | Tủ | 01 | 900.000 | 900.000 | 72.000 | 972.000 |
| **Tổng cộng:** | | | | | | | | **60.696.000** |

Tổng cộng: 18 danh mục thiết bị

Tổng giá trị: 60.696.000 đồng

Bằng chữ: (Sáu mươi triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn đồng)

Đơn giá đã bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu./.